

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRUNG TÂM GIỐNG &
VTNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 7 năm 2021

Báo cáo lần
thứ:

Năm báo cáo:

PHIẾU THÔNG TIN VỀ ÚNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng cho tất cả loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ)

1.1. Tên nhiệm vụ: "Nhân rộng mô hình ghép cải tạo trong việc nâng cao năng suất, chất lượng giống bơ trên địa bàn thành phố Bảo Lộc" nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

1.2. Loại hình nhiệm vụ (đánh dấu vào mục phù hợp):

- | | |
|--|--|
| <input checked="" type="checkbox"/> Đề tài khoa học và công nghệ | <input type="checkbox"/> Đề án khoa học |
| <input type="checkbox"/> Dự án SXTN | <input type="checkbox"/> Dự án khoa học và công nghệ |

1.3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả:
Trung tâm Giống và Vật tư nông nghiệp Lâm Đồng

1.4. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ: Hồ Tân Mỹ

1.5. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: ngày 27 tháng 7 năm 2020

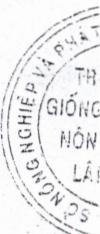
1.6. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số: 2020-26/KQNC-CS
Ngày cấp: 23/12/2020 Cơ quan cấp: Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng

1.7. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ: UBND thành phố Bảo Lộc

.....
1.8. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

(Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyên giao công nghệ không)

Xây dựng quy trình ghép cải tạo các giống bơ có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thành phố Bảo Lộc, Xây dựng các mô hình ghép cải tạo các giống bơ, tập huấn chuyển giao cho nông dân và các doanh nghiệp, trang trại có nhu cầu. Hiện nay kết quả



của đê tài đã được chuyển giao áp dụng vào thực tế sản xuất của địa phương và các vùng trồng bơ có nhu cầu ghép cài tạo.

1.9. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế-xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):

- Về hiệu quả kinh tế: Nếu tính doanh thu 1 ha các giống bơ kém chất lượng chỉ thu được từ 30 – 50 triệu đồng (thậm chí rất khó bán), thì 1 ha giống bơ có chất lượng tốt như LD 034, Booth, Hass thì doanh thu sẽ đạt đến 500 triệu đồng/ha

- Về hiệu quả xã hội: góp phần giải quyết được lực lượng lao động nhàn rỗi tại nông thôn, giúp nông dân gắn bó với đồng ruộng vì có thu nhập cao và ổn định, giải quyết nhiều việc làm giúp người trồng bơ và các doanh nghiệp có thu nhập cao và vươn lên làm giàu.

- Về môi trường: Hiện nay trong tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên có diện tích trồng cây công nghiệp (chủ yếu là chè và cà phê) khá lớn. Vì vậy, nhu cầu trồng cây che bóng bằng các loại cây ăn quả là cần thiết. Vì thế công nghệ ghép cài tạo các giống bơ là phù hợp và có hiệu quả cao. Thực tế đã chứng minh rõ qua các mô hình và nhân rộng sau khi đê tài đã kết thúc.

II. PHẦN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ)

• Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(danh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học tự nhiên | <input type="checkbox"/> Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| <input checked="" type="checkbox"/> Khoa học nông nghiệp | <input type="checkbox"/> Khoa học y-dược |
| <input type="checkbox"/> Khoa học xã hội | <input type="checkbox"/> Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN | <input type="checkbox"/> Phát triển công nghệ mới |
| <input type="checkbox"/> Cơ sở để hình thành Đề án KH | <input checked="" type="checkbox"/> Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế |
| <input type="checkbox"/> Hình thức khác: | |

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bằng sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước:

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế:

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? (đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...):

2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? (cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có):.....

• Áp dụng đối với Đề án khoa học

2.1. Kết quả của đề án được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?
(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp):

Khoa học tự nhiên
 Khoa học nông nghiệp
 Khoa học xã hội

Khoa học công nghệ và kỹ thuật
 Khoa học y-dược
 Khoa học nhân văn

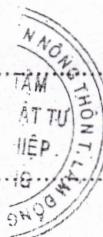
2.2. Kết quả của đề án khoa học được sử dụng để hình thành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào? (có thể nêu cụ thể những quyết định, văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn do đề án nghiên cứu được):

• Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng (có áp dụng thêm hoặc chuyên giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không? ...):

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:



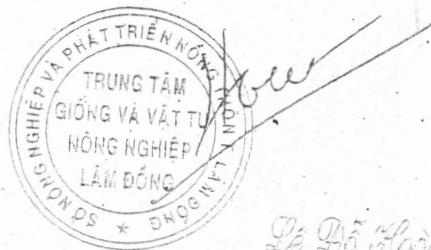
• Áp dụng đối với Dự án khoa học và công nghệ

2.1. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình công nghệ dựa từ kết quả của Dự án khoa học và công nghệ:

2.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ

(Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đỗ Chương Việt